

Số: 78/2014/CV-VASEP

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2014

V/v đề xuất kiến nghị về thuế GTGT

**Kính gửi: Vụ Tài chính - Bộ NN&PTNT**

Phúc đáp công văn số 693/BNN-TC, ngày 27/2/2014 của Bộ NN&PTNT về việc đề xuất các kiến nghị về thuế giá trị gia tăng (GTGT), Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) đã triển khai lấy ý kiến hội viên và trên cơ sở nghiên cứu Nghị định 209/2013/NĐ-CP (**NĐ 209**) ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế GTGT và Thông tư 219/2013/TT-BTC (**TT 219**) ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và **NĐ 209**, Hiệp hội VASEP xin có ý kiến như sau:

**D) Về đối tượng không chịu thuế GTGT:**

Tại Điều 4, TT 219 có quy định về những đối tượng sau (liên quan tới lĩnh vực thủy sản) thuộc đối tượng **không chịu thuế** như: Sản phẩm thủy hải sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến hoặc chỉ qua sơ chế của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu; Sản phẩm là giống: bao gồm trứng và con giống; Bảo hiểm tàu thuyền, trang thiết bị phục vụ trực tiếp đánh bắt thủy sản; hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu; hàng tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu; Nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công xuất khẩu ký kết với bên nước ngoài; Xuất bản, phát hành báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, ...

**1. Vương mắc trong xử lý các Hóa đơn đã xuất trong Q1/2014 theo quy định cũ:**

Theo quy định trước đây, sản phẩm thủy sản sơ chế thông thường chịu thuế suất thuế GTGT là 5%. Hiện nay, theo Điều 4, TT 219 thì sản phẩm thủy sản sơ chế không thuộc đối tượng chịu thuế. TT 219 có hiệu lực thi hành từ **01/01/2014** nhưng Chi cục Thuế các địa phương lại chưa triển khai, hướng dẫn DN trước 01/01/2014. Do đó, việc áp dụng thuế suất tại nhiều DN ở nhiều địa phương là không đồng nhất (các DN đã được tập huấn và hướng dẫn thì áp dụng thuế suất **0%**, còn DN chưa nắm được hoặc được tập huấn nội dung của Thông tư vẫn xuất hóa đơn bán hàng với thuế suất **5%**) => Việc mua bán gặp vướng mắc do vướng thủ tục thuế suất.

Đến tháng 3/2014, Chi Cục thuế một số địa phương đã triển khai hướng dẫn cho DN. Trong đó có hướng dẫn : *đối với các mặt hàng thuộc đối tượng trên đã lập hóa đơn, kê khai tính thuế GTGT thì người bán và người mua phải điều chỉnh hoá đơn để không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT.* Với các DN sản xuất đa ngành, đa sản phẩm thì hàng tháng phải xuất hàng trăm hóa đơn cho SP bán ra. Do đó, việc điều chỉnh lại từng hóa đơn là vô cùng khó và mất thời gian của DN.

=> **Kiến nghị:**

- Với các hóa đơn đã xuất theo quy định cũ trong thời gian 3 tháng đầu năm 2014: đề nghị DN được làm Bảng kê để xuất chung thành 01 hóa đơn.

- Cơ quan Thuế cần triển khai hướng dẫn trước khi Thông tư có hiệu lực, đồng thời cần có thời gian chuyển tiếp giữa các Thông tư quy định thay thế.

## 2. Vương mắc việc phải nộp thuế đối với hàng XK của DN trả về (tái nhập hàng trả lại):

Xét với thực tế thì TT219 còn chưa quy định rõ hoặc chưa tính đến 1 đối tượng rất đặc thù và quan trọng: **Hàng XK của DN trả về** (hay gọi là “**tái nhập hàng trả lại**” theo Điều 55 TT 128/2013) để thuận tiện, phù hợp với thực tế và thống nhất cách thực thi của cả các CQ Hải quan và DN. Nguyên do:

- (1) Đối với hàng XK bị trả về (với nhiều nguyên nhân: có thể do khách hàng không thanh toán DN phải kéo hàng về, hoặc do rào cản phát sinh DN biết trước cũng kéo hàng về, có thể do 1 số lỗi về kỹ thuật bao bì, chất lượng...), DN phải chịu nhiều tổn thất về chi phí vận chuyển 2 chiều rất lớn, cộng với việc tồn đọng vốn, nếu không tái xuất được thì DN càng tổn thất nặng hơn. Trong khi đó, khi bị trả về, nếu DN còn phải đóng thuế GTGT thì càng gây thêm khó khăn cho DN về vốn. Trong trường hợp DN đăng ký tái xuất hàng trong thời gian quy định, cần xem xét hàng trả về như hàng tạm nhập tái xuất nếu theo quy định: *Hàng tạm nhập tái xuất là việc hàng hóa được đưa từ nước ngoài hoặc từ các khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật vào Việt Nam, có làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và làm thủ tục xuất khẩu chính hàng đó ra khỏi Việt Nam.*
- (2) Theo thông tư 128/2013/TT-BTC (**TT128**) ngày 10/9/2013 của Bộ Tài chính thì có hướng dẫn rõ thủ tục hải quan với ”hàng kinh doanh tạm nhập tái xuất” và ”hàng xuất khẩu bị trả về” tại 2 Điều của Thông tư:
  - **Điều 41** - Thủ tục hải quan đối với “hàng hoá kinh doanh tạm nhập-tái xuất”
  - **Điều 55** - Thủ tục hải quan đối với “hàng xuất khẩu bị trả lại”, và thống nhất gọi là tái nhập hàng trả lại
- (3) Trước đây, hàng xuất khẩu đi bị trả về để gia công tái chế rồi tái xuất thì cho ân hạn thuế VAT + thuế NK trong vòng 30 ngày. Trong thời gian đó thì DN làm hồ sơ xin không thu thuế, sau khi CQ Hải quan duyệt thì không phải thực thi hai loại thuế này. Điều này rất phù hợp với thực tế đối với hàng hóa của DN bị trả về. Còn hiện nay với TT128/2013, quá trình phải đưa hàng trả về DN đã rất tốn kém vì phải chịu nhiều chi phí, về Việt Nam lại phải đóng thuế ngay (gồm thuế NK + VAT luôn) hoặc phải có bảo lãnh Ngân hàng cho hai loại thuế này sẽ khiến cho DN đã khó lại càng khó thêm.

=> **Kiến nghị:** Đưa đối tượng “**Hàng XK của DN trả về** (hay gọi là “**tái nhập hàng trả lại**”) vào đối tượng không chịu thuế GTGT và thuộc trong nhóm ”*Hàng tạm nhập tái xuất, hàng tạm xuất tái nhập*” của Điều 4, TT129 kể trên.

## 3. Vương mắc việc xác định/phân định hàng hóa không chịu thuế GTGT:

Theo nội dung Điều 4, TT219 kể trên cũng như Hướng dẫn của một số Cục Thuế địa phương (vd. CV 531 ngày 8/4/2014 của Cục Thuế Đồng Tháp) thì sản phẩm (bao gồm cả phụ phẩm) thủy hải sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến hoặc chỉ qua sơ chế của tổ chức, cá nhân **tự sản xuất**, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu là thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Khi đó, DN sẽ phải phân bổ thuế GTGT đầu vào theo tỷ lệ trên doanh thu.

### **Vấn đề phát sinh và ảnh hưởng thiệt hại đến DN là:**

- (1) Thực tế nhiều DN phải vừa sản xuất từ nguyên liệu (cá tra, tôm ..) mua bên ngoài và nguyên liệu (cá tra, tôm...) tự sản xuất/nuôi trồng: như vậy đầu ra không phân biệt được từ nguồn đầu vào nào. Khi đó, nếu phân bổ thuế đầu vào không được khấu trừ toàn bộ trên Doanh thu thì thiệt hại cho DN.

- (2) Ngày càng nhiều các DN chế biến XK chủ động đầu tư nuôi trồng khép kín (tôm, cá tra, ...) để chủ động nguyên liệu theo xu hướng hội nhập và phát triển bền vững hiện nay. Nhưng nếu như trước đây các mặt hàng này đều có thuế suất 5% và khi DN xuất cho các đối tượng trong nước thì DN chỉ kê khai đầu ra (*đầu ra này do người mua chịu, nên nếu là DN thì người mua được khấu trừ đầu vào tiếp theo*) thì giờ đây DN xuất hóa đơn không thuế và phải phân bổ đầu vào trong khi đây là một Quy trình nuôi trồng sản xuất chế biến khép kín thì tại sao đầu vào không được kê khai khấu trừ? (ngoài đầu vào thức ăn, còn có các thuế VAT đầu vào khác của bao bì, hóa chất, vật tư sửa chữa...). Như vậy, chi phí sản xuất của DN càng bị đội lên và là một điều bất hợp lý.
- (3) Các DN thủy sản đang chế biến khá đa dạng mặt hàng cho nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế. Với mỗi dạng mặt hàng sẽ có quy trình chế biến khác nhau. Tuy nhiên, thời gian qua không ít DN gặp vướng mắc trong việc cùng CQ Thuế phân định mặt hàng của mình là “SƠ CHẾ” hay “TINH CHẾ” (vd. mặt hàng cá Tra fillet đông lạnh bao gói với 1 quy trình chế biến & kiểm soát nghiêm ngặt, phức tạp). Đây cũng là 1 vấn đề mấu chốt mà các DN và CQ Thuế còn nhiều sự khác biệt, Bộ Tài chính cần phải có thêm sự xem xét thực tế để phân định rõ và tránh thiệt hại cho các DN nông-lâm-thủy sản.

Với các thực trạng trên, vấn đề xác định thuế GTGT này làm cho nhiều DN đang rất lúng túng và hóa đơn xuất đi sẽ dễ bị trả lại, hồ sơ hoàn thuế của các doanh nghiệp cũng bị trì trệ, ách tắc và ảnh hưởng đến DN.

=> **Kiến nghị:** Đánh giá lại đầy đủ các yếu tố của thực tế sản xuất nông-thủy sản hiện nay để có Quy định rõ về định nghĩa **Sơ chế**, tránh ảnh hưởng tác động tiêu cực đến nhiều DN. Ngoài ra, Bộ tài chính cũng xem xét giải quyết/tháo gỡ các vướng mắc thực tế như trên.

## II) Về các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT

Tại **Khoản 2 Điều 5 TT 219** của Bộ Tài chính có quy định: *Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam mua dịch vụ của tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, cá nhân ở nước ngoài là đối tượng không cư trú tại Việt Nam, bao gồm các trường hợp: sửa chữa phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị (bao gồm cả vật tư, phụ tùng thay thế); quảng cáo, tiếp thị; xúc tiến đầu tư và thương mại; môi giới bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra nước ngoài; đào tạo; chia cước dịch vụ bưu chính, viễn thông quốc tế giữa Việt Nam với nước ngoài mà các dịch vụ này được thực hiện ở ngoài Việt Nam.*

Tuy nhiên nội dung trên chưa đề cập tới trường hợp: *1) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam mua máy móc thiết bị tạo tài sản cố định có kèm theo bảo hành của tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, được thực hiện tại Việt Nam; 2) Đối với máy móc, thiết bị NK tạo tài sản cố định theo dự án đầu tư được miễn thuế NK, không thực hiện công tác sửa chữa, bảo hành trực tiếp trên lãnh thổ VN trong thời hạn bảo hành.*

**Nguyên do:** Đối với việc cung cấp hàng hóa có kèm theo các dịch vụ tiến hành tại Việt Nam như lắp đặt, chạy thử, bảo hành, bảo dưỡng, thay thế, các dịch vụ khác đi kèm với việc cung cấp hàng hóa. Nếu áp dụng thu thuế GTGT đối với các dịch vụ trên với thiết bị, máy móc nằm trong Danh mục thiết bị NK tạo tài sản cố định dự án đầu tư được miễn thuế NK, thì khó xác định: **i) Ai là đối tượng đóng thuế này?; ii) Đối với trường hợp có bảo hành nhưng hết thời hạn bảo hành vẫn không phải thực hiện bảo hành tại Việt Nam thì có phải nộp thuế GTGT không?; iii) Việc bảo hành do nhà đầu tư thực hiện theo hướng dẫn của nhà cung cấp qua email hoặc điện thoại thì có phải nộp thuế GTGT không; iv) Trường hợp có ký quỹ bảo hành nhưng không sử dụng và thực hiện chuyển trả cho nhà cung cấp sau thời gian bảo hành có phải nộp thuế GTGT không?**

=> **Kiến nghị:** Bỏ quy định phải nộp thuế GTGT đối với dịch vụ bảo hành trên.

### III) Về thuế suất GTGT:

Thuế suất GTGT quy định không rõ ràng, cùng 1 loại hàng hóa có nhiều qui định về thuế suất khác nhau, dẫn đến cách hiểu & áp dụng khác nhau không thống nhất tại các địa phương, cụ thể:

**Tại Khoản 5, Điều 5** quy định: *Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bán sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường cho doanh nghiệp, hợp tác xã ở khâu kinh doanh thương mại không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT. Trên hoá đơn GTGT, ghi dòng giá bán là giá không có thuế GTGT, dòng thuế suất và thuế GTGT không ghi, gạch bỏ.*

Ví dụ: Theo điều này, cá Fillet đông lạnh của C.ty CP A bán cho C.ty TNHH B không tính thuế GTGT.

**Tại Khoản 5 Điều 10 (thuế suất 5%)** quy định: *Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa qua chế biến hoặc chỉ qua sơ chế, bảo quản (hình thức sơ chế, bảo quản theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này) ở khâu kinh doanh thương mại, trừ các trường hợp hướng dẫn tại khoản 5 Điều 5 Thông tư này.*

**Tại Khoản 7 Điều 10 (Thuế suất 5%)** quy định *Thực phẩm tươi sống ở khâu kinh doanh thương mại; lâm sản chưa qua chế biến ở khâu kinh doanh thương mại, trừ gỗ, măng và các sản phẩm quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.*

*Thực phẩm tươi sống gồm các loại thực phẩm chưa được làm chín hoặc chế biến thành sản phẩm khác, chỉ sơ chế dưới dạng làm sạch, bóc vỏ, cắt, đông lạnh, phơi khô mà qua sơ chế vẫn còn là thực phẩm tươi sống như thịt gia súc, gia cầm, tôm, cua, cá và các sản phẩm thủy sản, hải sản khác. Trường hợp thực phẩm đã qua tẩm ướp gia vị thì áp dụng thuế suất 10%.*

Ví dụ: Theo điều này cá Fillet đông lạnh của Công ty CP A bán cho Cty TNHH B phải tính thuế 5%.

=> **Kiến nghị:** bỏ Khoản 7, Điều 10 trong TT219 để đảm bảo tính thống nhất về Thuế suất, nhằm đơn giản để áp dụng cho cơ quan Thuế & Doanh nghiệp.

### IV) Về thủ tục hoàn thuế GTGT phải kèm báo cáo tồn kho:

Theo điều 10, 12 Luật thuế GTGT 13/2008/QH12 & luật thuế GTGT sửa đổi số 31/2013/QH13 điểm đ đều có qui định rất rõ: "*Thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó*".

Theo hướng dẫn cách xác định thuế GTGT đầu vào được khấu trừ (**điểm c.8-Mục III phần B - TT128/2009/TT-BTC**) *Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó, không phân biệt đã xuất dùng hay còn để trong kho.*

Tuy nhiên tại **Khoản 4, Điều 18 của TT 219 (Đối tượng và trường hợp được hoàn thuế GTGT)**, có qui định thêm với DN có hàng hóa dịch vụ xuất khẩu, phải tính toán phân bổ thuế GTGT đầu vào cho hàng hóa tồn kho :

+*Riêng đối với cơ sở kinh doanh thương mại mua hàng hóa để thực hiện xuất khẩu thì số thuế GTGT đầu vào được hoàn cho hàng hoá xuất khẩu được xác định như sau:*

$$\begin{array}{l}
 \text{Số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu} \\
 = \left\{ \begin{array}{l} \text{Số thuế GTGT chưa khấu trừ hết của tháng / quý} \\ \text{Số thuế GTGT đầu vào của hàng hoá còn tồn kho cuối tháng/quý} \end{array} \right\} \times \frac{\text{Tổng doanh thu xuất khẩu trong kỳ}}{\text{Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ trong kỳ bán ra chịu thuế (bao gồm cả doanh thu xuất khẩu)}} \times 100\% / QH
 \end{array}$$

Điều này mâu thuẫn với qui định tại khoản đ, điều 12 luật thuế GTGT .

Đồng thời, xét theo tính khả thi của việc báo cáo tồn kho: với DN kinh doanh đa ngành nghề vừa SX, vừa mua NVL, BTP, TP về để SX & xuất khẩu thì để tính được báo cáo hàng tồn kho (SL+Giá trị) vô cùng phức tạp, phải trải qua thao tác đóng kỳ kế toán, tính giá thành, giá vốn.... mới có thể ra được báo cáo tồn kho (không phải DN nào cũng làm được hàng tháng ).

=> **Kiến nghị:** bỏ qui định phân bổ hàng tồn kho tại Khoản 4, Điều 18, TT219 nhằm tăng tính khả thi thủ tục hoàn thuế GTGT cho DN xuất khẩu, phù hợp với qui định tại Điều 10, 12 của Luật thuế GTGT.

Trên đây là những ý kiến kiến nghị của Hiệp hội VASEP và các DN hội viên, kính đề nghị Vụ Tài chính - Bộ NN&PTNT sớm có ý kiến với Bộ Tài chính nghiên cứu, xem xét và bổ sung sửa đổi Thông tư cho phù hợp với thực tế, hỗ trợ DN nâng cao năng lực cạnh tranh, gia tăng kim ngạch xuất khẩu, đóng góp ngày càng nhiều cho kim ngạch xuất khẩu của ngành và cả nước.

Trân trọng cảm ơn.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cục CB TM NLTS và Nghề muối;
- VPDD HH tại Hà Nội;
- Lưu VPHH;

TUQ. CHỦ TỊCH HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM  
**TỔNG THƯ KÝ HIỆP HỘI**



**Trương Đình Hòa**